

Số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;
2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX- DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chau N, sinh năm: 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 06, ấp TA, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Néang Sóc P sinh năm: 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp TA, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, ông Chau N có mặt; bà Néang Sóc P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Chau N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà P được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai chúng tôi vào năm 2015, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, huyện TT, ngày 15/01/2015, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến sau khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà P thay đổi bản tính, không quan tâm đến đời sống gia đình, tự kiểm chuyện gây cãi rồi bỏ nhà đi không cho ông hay và ly thân nhau từ đó. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng là không còn, ông xin ly hôn với bà P.

Về quan hệ con chung: Ông với bà P có 01 con chung tên Néang Srây L, sinh ngày 21/11/2015, hiện do ông nuôi. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà P không có tài sản chung;

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà P không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Néang Sóc P để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông Chau N bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà Néang Sóc P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, có thiếu thủ tục cấp tổng tổng đạt văn bản tố tụng, nhưng không nghiêm trọng, không ảnh hưởng nội dung vụ án, nên chỗ đề nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Ông N – bà P chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà P thay đổi bản tính, không quan tâm đến đời sống gia đình, tự kiếm chuyện gây cãi rồi bỏ nhà đi... nên ông N xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung Néang Srây L, hiện do ông N nuôi, nên giao cháu L cho ông N tiếp tục nuôi, công nhận tự nguyện của ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông N khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với bà P, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà P có địa chỉ cư trú tại thị trấn CT, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông N – bà P kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04 ngày 15/01/2015, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông N bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bà P thay đổi bản tính, không quan tâm đến đời sống gia đình, tự kiếm chuyện gây cãi rồi bỏ nhà đi và ly thân nhau, gia đình hàn gắn nhưng không thành... Qua trình bày của ông Chau N, mặc dù bà P vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào cùng ngày 28/01/2021 của Tòa án thể

hiện: Vợ chồng ông N – bà P có mâu thuẫn từ hơn 04 năm nay, do vợ chồng N – P thường xuyên gây cãi, đã bị gia đình bà P đuổi khỏi nhà về sống bên gia đình ông N được khoảng 4 – 5 tháng thì bà N bỏ nhà đi và ly thân nhau, khả năng chung sống lại là không thể...

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa ông N – bà P đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Néang Srây L từ sau khi cha mẹ ly thân cháu L được ông N chăm sóc và hiện tại cháu L được ông N cho đi học..., xét để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu L phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên giao cháu L cho ông N tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho ông N biết: Trong thời gian nuôi con, ông N cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông N không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ông Chau N khai không có tài sản chung, không có nợ chung. Tuy nhiên do bà P vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này bà P có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung và có nợ chung và bà P có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Ông Chau N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Chau N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Chau N được ly hôn với bà Néang Sóc P.

Về quan hệ con chung: Ông Chau N được tiếp tục nuôi con chung tên Néang Srây L, sinh ngày 21/11/2015.

Công nhận tự nguyện của ông Chau N không yêu cầu bà Néang Sóc P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Chau N cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà Néang Sóc P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Ông Chau N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000697 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (ông N nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/02/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND thị trấn CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ